TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2017
V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Mai Hương
Bà Phùng Thị Khánh Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa***: ông Đỗ Đình L- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2017/QĐST-HNGĐ ngày 6 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị H - sinh năm: 1979

Địa chỉ: tổ 12, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đình L - sinh năm: 1975

Địa chỉ: tổ 12, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lưu Thị H trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, vào tháng 7 năm 1996, bà Lưu Thị H kết hôn với ông Nguyễn Đình L có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số: 106 ngày 21 tháng 7 năm 1996 tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Thanh Hoá.

Trong quá trình chung sống, bà H và ông L xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống,

ông L thường xuyên đi uống rượu về đánh đập bà H nhiều lần, ông L đã nhiều lần làm bản cam kết sửa đổi nhưng không thay đổi. Từ tháng 8 năm 2016 đến nay, bà H và ông L ly thân với nhau. Nay, bà H cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông L đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà H và ông L có 2 con chung là Nguyễn Đình T1, sinh ngày 13 tháng 11 năm 1998 và Nguyễn Đình T2, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2005. Cháu T1 đã trên 18 tuổi, bà H không có yêu cầu gì. Đối với cháu T2, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông L tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông L không có nợ chung, không tranh chấp.

Bị đơn là ông Nguyễn Đình L trong bản khai, biên bản hòa giải trình bày:

Ông L thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian, điều kiện kết hôn.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Ông L xác định giữa ông và bà H có thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế, ông có uống rượu về không kìm chế được nên nhiều lần đánh bà H và cũng nhiều lần làm bản cam kết hứa sửa đổi tính tình. Nay, bà H yêu cầu ly hôn thì ông không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cho rằng mâu thuẫn không lớn và vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông L xác định có 2 con chung là Nguyễn Đình T1, sinh ngày 13 tháng 11 năm 1998 và Nguyễn Đình T2, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2005. Trường hợp ly hôn thì ông L đồng ý giao cháu T2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; đối với cháu T1, ông L không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Bà H và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông L không có nợ chung, không tranh chấp.

Đại diện VKS nhân dân huyện Xuyên Mộc phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Đình L có nơi cư trú tại huyện C nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn ông Nguyễn Đình L đã được Toà án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đình L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về yêu cầu ly hôn: Bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Đình L chung sống có đăng ký kết hôn, hôn nhân của hai người được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, bà H cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ cuối năm 1996 đến nay nên không thể tiếp tục chung sống và yêu cầu ly hôn. Ông L không đồng ý vì cho rằng vẫn còn tình cảm với bà L tuy nhiên ông không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Quá trình làm việc tại Toà, ông L thừa nhận có uống rượu về nhiều lần có hành vi đánh bà H và đã nhiều lần làm bản cam kết xin sửa đổi; vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã về vấn đề kinh tế. Xét thấy, theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình*" nhưng ông L lại có hành vi bạo lực gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

- Về con chung: Bà H và ông L xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình T1, sinh ngày 13 tháng 11 năm 1998 và Nguyễn Đình T2, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2005. Đối với cháu T1 đã trên 18 tuổi, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì. Đối với cháu T2 chưa thành niên, bà H yêu cầu trực tiếp nuôi cháu. Xét, đây là nguyện vọng của cháu T2 đồng thời ông L cũng chấp thuận nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T2 cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà, tạm thời không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H và ông L tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H và ông L không có nợ chung, không tranh chấp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội thì bà Lưu Thị H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lưu Thị H. Bà Lưu Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Đình L.

2. *Về con chung*: Bà Lưu Thị H được quyền trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đình T2, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2005. Tạm thời, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Lưu Thị H và ông Nguyễn Đình L đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3.*Về tài sản chung*: Bà H và ông L tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Bà H và ông L không có nợ chung, không yêu cầu.

5. *Về án phí:*

- Bà Lưu Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2016/0005351 ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C. Bà H đã nộp xong tiền án phí.

- Ông Nguyễn Đình L không phải chịu án phí sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnhBR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền